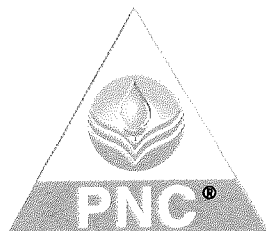


CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503142

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

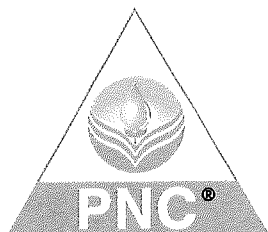
3. Ký hiệu mẫu : NTA1 – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 1
(X: 1237631.8N; Y: 592854.9E)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	31,7	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,32	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	10	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	22	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	8,3	TCVN 6638:2000
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,24	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 1,67	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	31	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	115	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-.B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận

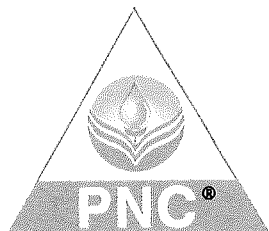


Giám đốc
 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503143

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

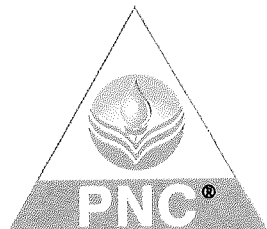
3. Ký hiệu mẫu : NTA2 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 1 trước khi xả ra suối (X: 1237633.5N; Y: 592859.2E)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,5	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	20	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,21	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	9	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	20	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	8	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	10,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	0,28	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 1,67	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	58	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	129	SMEWW 4500-Cl-.B:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



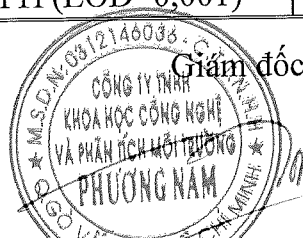
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



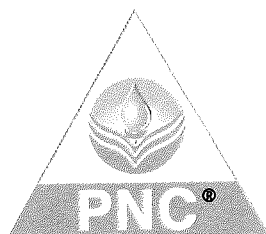
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503144

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

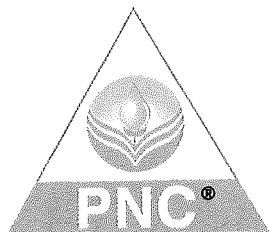
3. Ký hiệu mẫu : NTA3 – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 3 (X: 1230617.7N; Y: 591912.2E)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	31,8	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	13	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,80	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	8	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	18	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	7	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	10,6	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 1,67	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	40	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	119	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-.B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

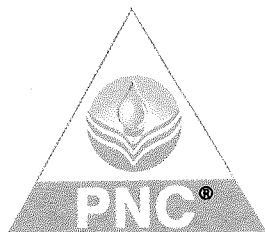
Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

PN02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHUƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503145

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

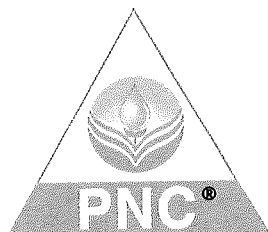
3. Ký hiệu mẫu : NTA4 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 3 trước khi xả ra suối Bà Tươi (X: 1231403.4N; Y: 591304.7E)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	35,1	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	16	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,36	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	10	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	21	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	8	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	12,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 1,67	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	94	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	125	SMEWW 4500-Cl-.B:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



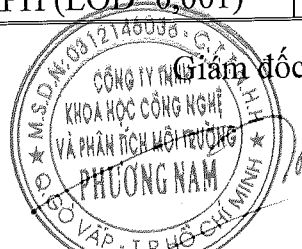
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

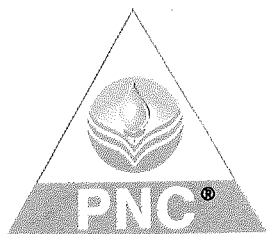


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503146

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

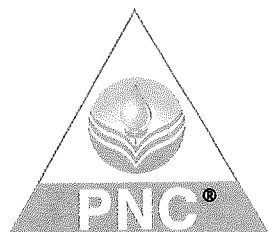
3. **Ký hiệu mẫu** : NTA5 – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 4
 (X: 1230656.9N; Y: 592058.1E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 10/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	32,6	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	8,05	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	7	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	15	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	7,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	0,24	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 1,67	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	5,5	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	96,8	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



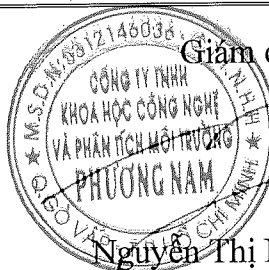
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



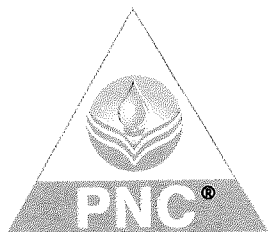
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503147

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

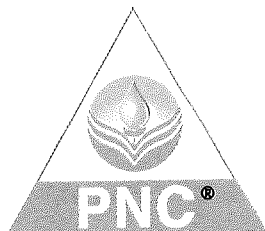
3. Ký hiệu mẫu : NTA6 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 4 trước khi xả ra suối Cầu Đức (X: 1230612.3N; Y: 592038.1E)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	35,8	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	20	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,22	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	9	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	19	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	8	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	10,9	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	0,35	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 1,67	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	9,1	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	102	SMEWW 4500-Cl-.B:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

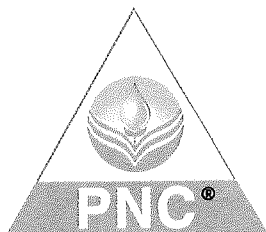


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503148

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY NƯỚC CẤP KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải nhà máy nước cấp

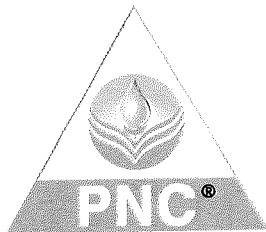
3. Ký hiệu mẫu : NTA7 – Nước thải đầu ra của Nhà máy nước cấp số 1
(X: 594196.9E; Y: 1231298.4N)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	28,9	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,35	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	14	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	29	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	16	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	11,3	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	2,5 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	33,4	SMEWW 4500-Cl-.B:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



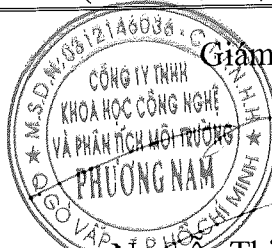
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



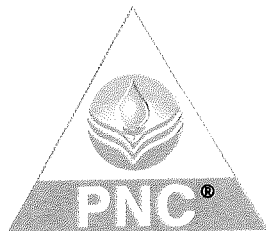
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503149

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY NƯỚC CẤP KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải nhà máy nước cấp

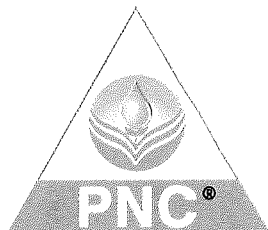
3. Ký hiệu mẫu : NTA8 – Nước thải đầu ra của Nhà máy nước cấp số 2
(X: 591180.06 - Y: 1233429.07)

4. Ngày lấy mẫu : 10/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	29,6	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	15	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,51	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	11	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	24	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	12,6	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	1,1 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	25,2	SMEWW 4500-Cl-.B:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

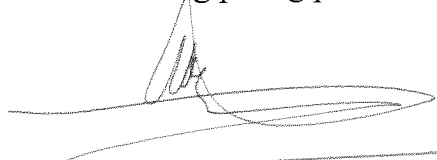
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

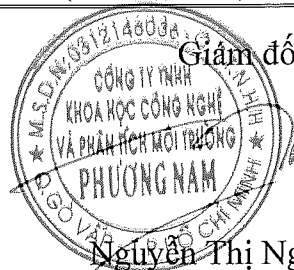
PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích


Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

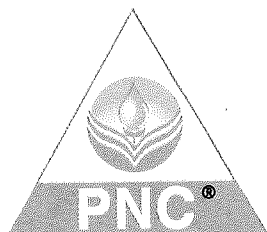


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503292

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

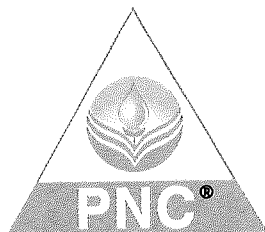
3. Ký hiệu mẫu : NTA9 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Gain Lucky
(X: 1233117.8N; Y: 590668.2E)

4. Ngày lấy mẫu : 11/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	35,7	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	20	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,55	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	8	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	18	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	8,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	0,43	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	5,8 x 10 ¹	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	192	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

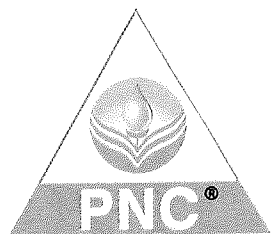

 Ngô Thị Bích Thuận


 Giám đốc
 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503293

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

3. **Ký hiệu mẫu** : NTA10 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Brotex
 (X: 1234006.6N; Y: 591502.1E)

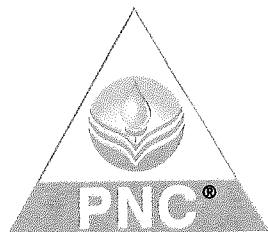
4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	33,2	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	8,14	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	9	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	20	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	9,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	1,4 x 10 ¹	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	72,3	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

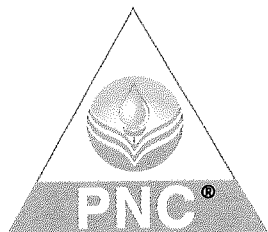
Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503294

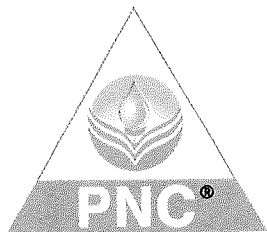
1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NTA11 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Dệt sợi Continental
(X: 1230681.2N; Y: 592422.3E)4. Ngày lấy mẫu : 11/03/20255. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	34,6	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,49	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	8	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	18	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	7,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	0,43	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	1,3 x 10 ¹	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



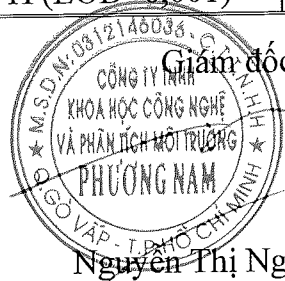
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	108	SMEWW 4500-Cl-.B:2023
24	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S ₂ -.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

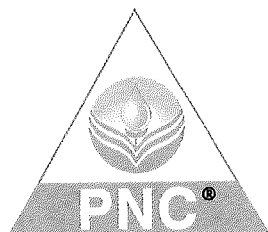
Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503295

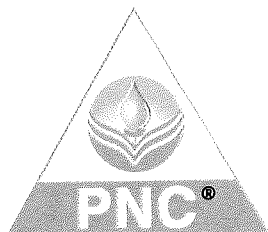
1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NTA12 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty New Wide
(X: 1231008.8N; Y: 591745.5E)4. Ngày lấy mẫu : 11/03/20255. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	34,7	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	15	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,80	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	13	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	28	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	9,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	1,81	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	20	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	83,6	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



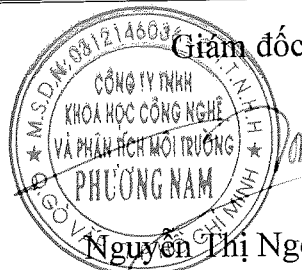
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CI-B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



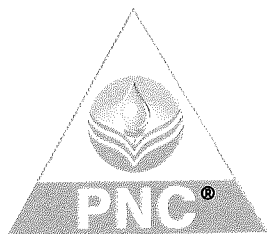
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503296

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

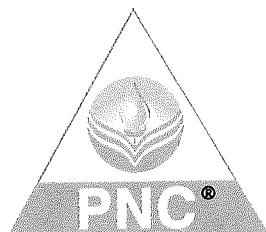
3. **Ký hiệu mẫu** : NTA13 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Lian Ta Hsing
 (X: 1233357.4N; Y: 589917.0E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,9	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,40	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	6	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	16	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	10,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	3,2	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	< 1,8	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	22,3	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



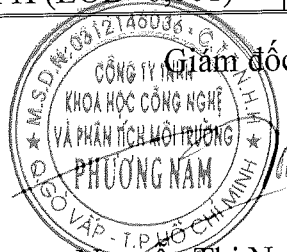
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



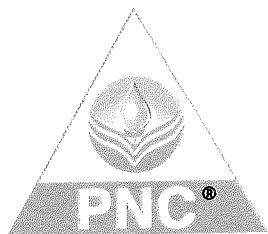
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503297

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

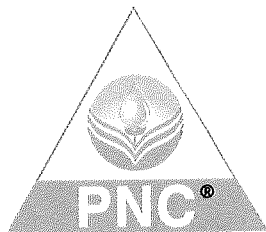
3. **Ký hiệu mẫu** : NTA14 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Hailide
 (X: 1233118.1N; Y: 590672.5E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,8	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,42	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	13	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	29	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	7,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	< 1,8	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	41,4	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



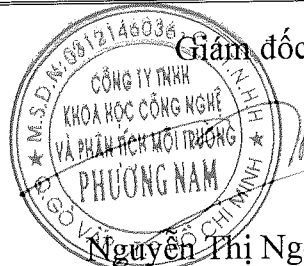
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-.B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận

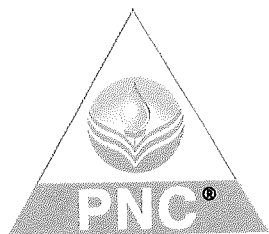

 Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503298

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

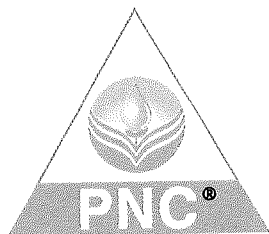
3. **Ký hiệu mẫu** : NTA15 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty BaiKai Industry VN
 X: 592045.1E; Y: 1231822.4N

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	32,1	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,58	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	6	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	16	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	6,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	< 1,8	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	33,6	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



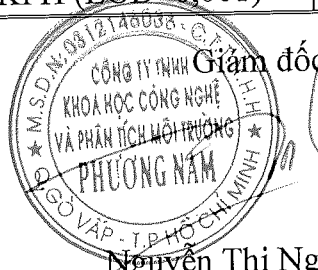
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl-.B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

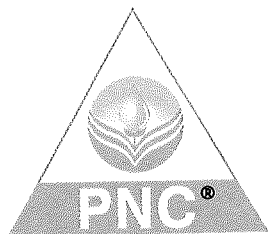
Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503299

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

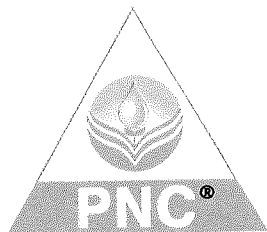
3. Ký hiệu mẫu : NTA16 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công Ty TNHH Billion Industrial Việt Nam (X: 1231919.3N; Y: 592294.3E)

4. Ngày lấy mẫu : 11/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	31,4	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	8,01	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	6	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	16	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	7,4	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	1,1 x 10 ¹	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	35,2	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



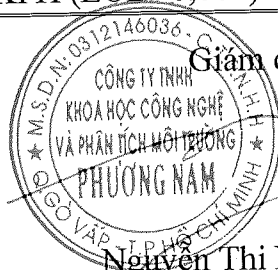
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

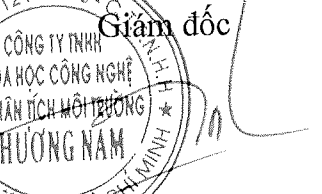
TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CI-B:2023
24	Sunfua (S_2^-)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngọc Báu

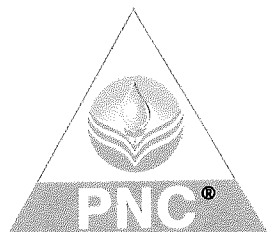
Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503300

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

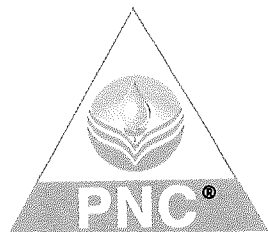
3. **Ký hiệu mẫu** : NTA17 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công Ty Global Hantex

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 28/03/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,7	SMEWW 2550B:2023
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2023
3	pH	-	7,56	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	10	SMEWW 5210B:2023
5	COD	mg/L	22	SMEWW 5220C:2023
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/L	6,3	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD=0,50)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100mL	1,4 x 10 ¹	SMEWW 9221B:2023
11	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 3113B:2023
12	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3113B:2023
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	SMEWW 3112B:2023
15	Đồng (Cu)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (LOD=0,08)	SMEWW 3111B:2023
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
20	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2023
21	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2023
22	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	36,8	SMEWW 4500-Cl-.B:2023
24	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-S2-.B&D:2023
25	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500-CN-.C&E:2023
26	Clo dư	mg/L	KPH (LOD=0,03)	TCVN 6225-2:2021
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1,0)	SMEWW 5520B&F:2023
28	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



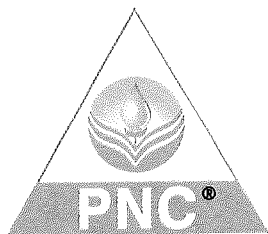
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503196

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

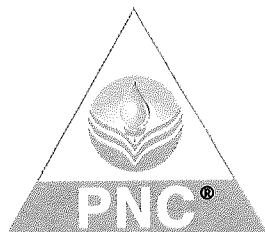
3. Thông tin mẫu : BT1 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 1 (X: 1237583.9N; Y: 592927.7E)

4. Ngày lấy mẫu : 11/03/2025

5. Ngày trả kết quả : 29/03/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,198	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,41	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,3	9,5	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	5,0	23,8	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,15	2,38	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	3,0	71,4	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,3	4,76	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,0	476	
9	Coban (Co)	ppm	KPH	10,0	381	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
10	Kẽm (Zn)	ppm	36,6	-	1191	
11	Niken (Ni)	ppm	< 20	-	333	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,06	0,95	US EPA Method 7471B
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	23,8	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
14	Xyanua ^(a)	ppm	KPH	0,5	140	US EPA Method 9010C + US EPA Method 9013A + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu	ppm	KPH	5,0	238	US EPA Method 9071B
16	Phenol ^(b)	ppm	KPH	10	4762	US EPA 3540C US EPA 3650B US EPA 8041A
17	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,05	2,38	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
18	Toluen	ppm	KPH	0,05	4762	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



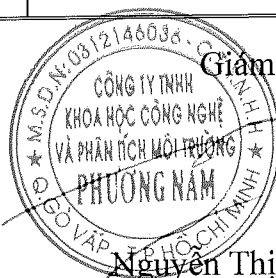
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,05	333	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	238	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270E

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



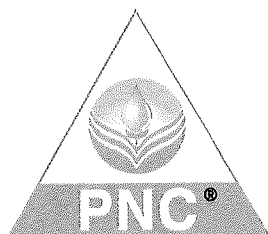
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- (a): Chỉ tiêu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện, số VIMCERTS 292
- (b): Chỉ tiêu do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện, VIMCERTS 078
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503197

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải

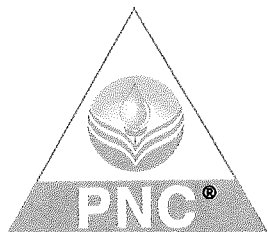
3. **Thông tin mẫu** : BT2 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 3
(X: 1230654.3N; Y: 592137.7E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 29/03/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,203	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,32	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,3	9,7	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	5,0	24,3	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,15	2,43	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	3,0	72,9	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,3	4,86	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,0	486	
9	Coban (Co)	ppm	KPH	10,0	389	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
10	Kẽm (Zn)	ppm	30,8	-	1214	
11	Niken (Ni)	ppm	< 20	-	340	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,06	0,97	US EPA Method 7471B
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	24,3	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
14	Xyanua ^(a)	ppm	KPH	0,5	143	US EPA Method 9010C + US EPA Method 9013A + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu	ppm	KPH	5,0	243	US EPA Method 9071B
16	Phenol ^(b)	ppm	KPH	10	4857	US EPA 3540C US EPA 3650B US EPA 8041A
17	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,05	2,43	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
18	Toluen	ppm	KPH	0,05	4857	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



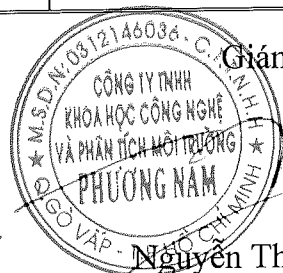
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,05	340	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	243	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270E

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



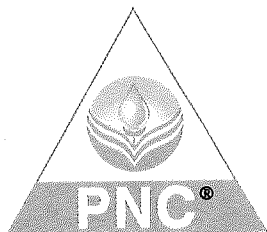
Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- (a): Chỉ tiêu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện, số VIMCERTS 292
- (b): Chỉ tiêu do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện, VIMCERTS 078
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503198

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải

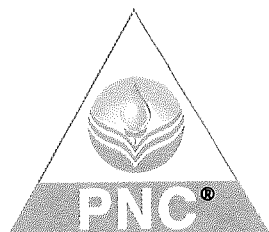
3. **Thông tin mẫu** : BT3 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 4
(X: 1230692.4N; Y: 592044.2E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 29/03/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,187	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,59	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,3	9,1	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	5,0	22,8	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,15	2,28	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	3,0	68,3	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,3	4,55	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,0	455	
9	Coban (Co)	ppm	KPH	10,0	364	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
10	Kẽm (Zn)	ppm	44,8	-	1138	
11	Niken (Ni)	ppm	< 20	-	319	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,06	0,91	US EPA Method 7471B
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	22,8	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
14	Xyanua ^(a)	ppm	KPH	0,5	134	US EPA Method 9010C + US EPA Method 9013A + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu	ppm	KPH	5,0	228	US EPA Method 9071B
16	Phenol ^(b)	ppm	KPH	10	4553	US EPA 3540C US EPA 3650B US EPA 8041A
17	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,05	2,28	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
18	Toluen	ppm	KPH	0,05	4553	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,05	319	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	228	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270E

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

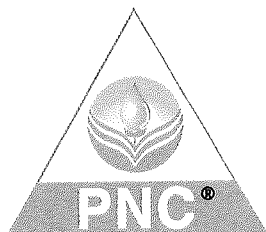


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- (a): Chỉ tiêu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện, số VIMCERTS 292
- (b): Chỉ tiêu do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện, VIMCERTS 078
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503199

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải

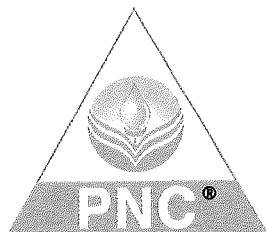
3. **Thông tin mẫu** : BT4 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Nước cấp 1
 (X: 1235436.2N; Y: 593692.5E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 29/03/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,223	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,72	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,3	10,5	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	5,0	26,2	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,15	2,62	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	3,0	78,6	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,3	5,24	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,0	524	
9	Coban (Co)	ppm	KPH	10,0	419	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
10	Kẽm (Zn)	ppm	31,1	-	1309	
11	Niken (Ni)	ppm	< 20	-	367	US EPA Method 7471B
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,06	1,05	
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	26,2	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
14	Xyanua ^(a)	ppm	KPH	0,5	154	US EPA Method 9010C + US EPA Method 9013A + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu	ppm	KPH	5,0	262	US EPA Method 9071B
16	Phenol ^(b)	ppm	KPH	10	5237	US EPA 3540C US EPA 3650B US EPA 8041A
17	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,05	2,62	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
18	Toluen	ppm	KPH	0,05	5237	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

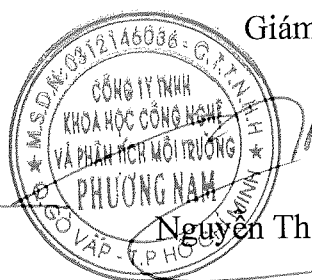
PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,05	367	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	262	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270E

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

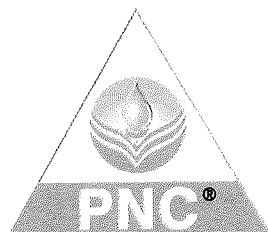


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- (a): Chỉ tiêu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện, số VIMCERTS 292
- (b): Chỉ tiêu do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện, VIMCERTS 078
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2503200

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Bùn thải

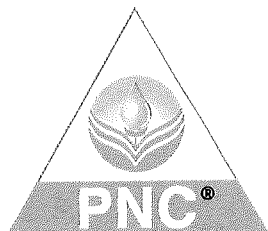
3. **Thông tin mẫu** : BT5 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Nước cấp 2
 (X: 123521.4N; Y: 593670.7E)

4. **Ngày lấy mẫu** : 11/03/2025

5. **Ngày trả kết quả** : 29/03/2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,205	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,66	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,3	9,8	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	5,0	24,5	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,15	2,45	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	3,0	73,4	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,3	4,90	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,0	490	
9	Coban (Co)	ppm	KPH	10,0	392	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
10	Kẽm (Zn)	ppm	32,8	-	1224	
11	Niken (Ni)	ppm	< 20	-	343	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,06	0,98	US EPA Method 7471B
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	24,5	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
14	Xyanua ^(a)	ppm	KPH	0,5	144	US EPA Method 9010C + US EPA Method 9013A + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu	ppm	KPH	5,0	245	US EPA Method 9071B
16	Phenol ^(b)	ppm	KPH	10	4895	US EPA 3540C US EPA 3650B US EPA 8041A
17	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,05	2,45	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
18	Toluen	ppm	KPH	0,05	4895	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,05	343	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	245	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270E

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- (a): Chỉ tiêu do Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện, số VIMCERTS 292
- (b): Chỉ tiêu do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện, VIMCERTS 078
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước